

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình:  
Sửa chữa định kỳ tuyến Quy hoạch ĐT.756C từ QL.13 đến  
đường vào Nông trường Đồng Nơ, tỉnh Bình Phước.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;*



Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt danh mục công trình bảo trì đường bộ năm 2022 (Nguồn quỹ bảo trì đường bộ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại tờ trình số 46/TTr-SGTVT ngày 27/7/2022.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa định kỳ tuyến Quy hoạch ĐT.756C từ QL.13 đến đường vào Nông trường Đồng Nơ, tỉnh Bình Phước, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa định kỳ tuyến Quy hoạch ĐT.756C từ QL.13 đến đường vào Nông trường Đồng Nơ, tỉnh Bình Phước.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.
4. Mục tiêu, quy mô và sơ bộ giải pháp thiết kế cơ sở
  - 4.1. Mục tiêu, và sự cần thiết đầu tư xây dựng: Nhằm đảm bảo an toàn giao thông cho người và phương tiện tham gia giao thông trên tuyến, phục vụ việc lưu thông của người dân; bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các hộ dân sinh sống dọc hai bên tuyến; đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan khu vực có tuyến đường đi qua.
  - 4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:
    - a) Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư duy tu, sửa chữa định kỳ tuyến Quy



hoạch ĐT.756C từ QL.13 đến đường vào Nông trường Đồng Nơ với một số nội dung chính như sau:

- Tổng chiều dài tuyến: 4.215 m.
- Chiều rộng mặt đường: 6 m.
- Chiều rộng phần lề gia cố đoạn từ Km0+000 đến Km0+900:  $2 \times 2,5\text{m} = 5\text{m}$ .
- Chiều rộng bó vỉa và lề đường đoạn từ Km0+000 đến Km0+900:  $2\text{m} \times 2\text{ bên} = 4\text{m}$ .
- Chiều rộng lề đường đoạn từ Km0+900 đến cuối tuyến:  $2 \times 1,5\text{m} = 3\text{m}$ .
- Chiều rộng nền đường tối thiểu đoạn từ Km0+000 đến Km0+900: 15m.
- Chiều rộng nền đường tối thiểu đoạn từ Km0+900 đến cuối tuyến: 9m.
- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.
- Độ dốc ngang lề đường đoạn Km0+000 đến Km0+900: 1,5%.
- Độ dốc ngang lề đường đoạn Km0+900 đến cuối tuyến: 4%.
- Vận tốc thiết kế: 40km/h.
- Tải trọng thiết kế : Trục 10 tấn.
- Kết cấu áo đường: Cấp cao A1 (bê tông nhựa).

b) Sơ bộ giải pháp thiết kế: Theo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 59/SGTVT-HTGT ngày 27/7/2022.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Nam Phước.

6. Địa điểm xây dựng: Huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Công trình giao thông; dự án nhóm C.
- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông đường bộ; Cấp công trình: Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình: 10 năm theo Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22TCN 211-06.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Tiêu chuẩn khảo sát:

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22 TCN 263-2000;
- Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN43-90;

- Tiêu chuẩn khảo sát tính toán thủy văn TCVN 9845:2013;
- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

b) Tiêu chuẩn thiết kế:

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005;
- Quy trình thiết kế áo đường mềm 22 TCN 211-06;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô 22TCN273-01;
- Quy trình thiết kế cầu công TCVN 11823-2017;
- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

c) Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447-2012;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ô tô TCVN 9436-2012;
- Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8857:2011;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm TCVN 8859:2011;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa nóng TCVN 8819:2011;
- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư dự án: 33.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	29.551.305.704	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	739.757.835	đồng.
- Chi phí tư vấn:	1.775.642.514	đồng.
- Chi phí khác:	374.816.478	đồng.
- Chi phí dự phòng:	558.477.469	đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

11. Nguồn vốn đầu tư: Quỹ bảo trì đường bộ.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thi công trên đường hiện hữu nên không giải phóng mặt bằng.

14. Trình tự đầu tư đối với công trình bí mật nhà nước: không.

15. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 59/SGTVT-HTGT ngày 27/7/2022.



(Kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản số 59/SGTVT-HTGT ngày 27/7/2022)

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải là chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản; Đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT<sub>(Tri-GT08)</sub>.

IG. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh